TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 31-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Khoa

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Phú H, sinh năm 1987; nơi sinh: Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp Phú Cường, xã P B, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đắc C (đã chết); con bà: Phạm Thị Th, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1997; Vợ: Đinh Thị Thúy K, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Ông Trần Quốc Kh, sinh năm 1965

- Bà Trần Thị Thanh Đ, sinh năm 1968

Cùng trú tại: Số 16, thôn Thanh Bình 2, xã B T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Ngô Gia H, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

- Anh Ngô Gia K, sinh năm 2004 (Vắng mặt)

- Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

- Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 9, đường 19, phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1967

- Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1972

Cùng trú tại: Số 230, thôn Thanh Bình 1, xã B T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013, Bùi Phú H kết hôn với cô Đinh Thị Thúy K, sinh năm 1995, HKTT: Thôn Kim Phát, B T, Đ, sau đó được ông Trần Quốc Kh và vợ là bà Trần Thị Thanh Đ, cùng có hộ khẩu thường trú tại Thanh Bình 2, B T, Đ cho ở nhờ tại khu vực trại heo của vợ chồng ông Kh thuộc Thanh Bình, B T, Đ. Ngoài ra vợ chồng ông Kh còn cho vợ chồng H mượn 04 sào đất cà phê để canh tác. Quá trình sinh sống tại đây thì vợ chồng ông Kh coi H như người thân trong gia đình. Do tin tưởng nên vợ chồng ông Kh có nhiều lần nhờ H đi chuyển tiền tại Quỹ tín dụng xã B T, Đ cho Công ty cám tại Đồng Nai để lấy cám gia súc.

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, H điều khiển xe mô tô biển số 49D1 – 234.17 đi mua thức ăn rồi ghé qua nhà vợ chồng ông Kh chơi. Tại đây H ngồi trên xe gần vị trí mà vợ chồng ông Kh đang ngồi uống nước nói chuyện với ông Nguyễn Thanh S và vợ là Nguvễn Thị Kim A là bạn hàng của vợ chồng ông Kh. Trong khi nói chuyện do bận tiếp khách nên vợ chồng ông Kh nhờ H đi chuyển tiền giúp thì H đồng ý. Bà Đ có chuẩn bị số tiền mặt là 128.700.000đ cho vào túi nylon đưa cho H kèm theo một tờ giấy biên nhận nộp tiền đã được điền thông tin sẵn cho H trước sự chứng kiến của vợ chồng ông S. Sau khi nhận số tiền trên thì H điều khiển xe đi tới Quỹ tín dụng B T. Trên đường đi gửi tiền, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên bằng cách điều khiển xe đi thẳng ra hướng Đ và tắt điện thoại liên lạc. Do sợ bị vợ chồng ông Kh truy tìm nên H đã đến địa bàn Đ thuê phòng nghỉ, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì H trả phòng rồi điều khiển xe mô tô biển số 49D1 – 234.17 mang theo số tiền trên đi thẳng xuống thành phố Hồ Chí Minh nơi có bạn gái của H là Ngô Gia H đang sinh sống. Tại nhà của H, H cho bố H là ông Ngô Văn Q số tiền là 4.000.000đ, cho Ngô Gia K (em Ngân) số tiền là 800.000đ, cho mẹ của H là bà Trần Thị Kim L số tiền là 2.000.000đ, trả nợ cho bà L 2.000.000đ do H đã mượn từ trước. Sau đó H cùng Ngô Gia H thuê phòng nghỉ tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình ẩn náu tại đây, H hoàn toàn không cho H biết số tiền H chiếm đoạt của vợ chồng ông Kh. Thời điểm H ăn, ở sinh hoạt cùng với H, H có sử dụng một phần số tiền mà mình chiếm đoạt được để phục vụ cho việc sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra H có mua 01 chiếc điện thoại di động Oppo F3 với số tiền 1.900.000đ, mua 01 chiếc điện thoại di động Sam sung A50 cho H với số tiền 4.200.000đ, mua 01 nhẫn kim loại màu vàng cho H với số tiền 2.100.000đ, cho H số tiền 500.000đ. Sau

khi tìm mọi cách không liên lạc được với H, ông Trần Quốc Kh có đơn trình báo gửi cơ quan Công an. Sau đó cơ quan Công an tiến hành bắt giữ H.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Số tiền mặt là 102.400.000đ;

+ 01 điện thoại di động Oppo F3;

+ 01 điện thoại Sam sung A50;

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng (đã niêm phong);

+ 01 xe mô tô biển số: 49D1 – 234.17;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 49D1 – 234.17;

+ 01 chứng minh nH dân mang tên Bùi Phú H;

+ 01 thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Bùi Phú H.

Đối với số tiền 102.400.000đ xác định là tài sản của ông Trần Quốc Kh, và vợ là bà Trần Thị Thanh Đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng ông Kh, số tiền còn lại là 26.300.000đ mà H tiêu xài cá nhân, số tiền này gia đình bị cáo H đã bồi thường cho bị hại. Bị hại đã nhận đủ tiền, viết giấy bãi nại và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

Đối với xe mô tô biển số 49D1 – 234.17 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, H khai nhận mua tại tiệm sửa xe Đức Anh do ông Trần Đức A, sinh năm 1971, HKTT: Thanh Bình 3, B T, Đ làm chủ nhưng không viết giấy tờ mua bán gì, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Qua làm việc, ông Trần Đức Anh khai nhận vào khoảng năm 2016 có giới thiệu ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1984, HKTT: thị trấn Đ V, Lâm Hà là người bán cho H chiếc xe trên. Ông H khai nhận nguồn gốc chiếc xe là do ông H mua lại nhưng không nhớ mua của ai và cũng không viết giấy mua bán, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Qua tra cứu xác định người đứng tên chủ xe trong giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Bá B, trú tại: Khu B, N H, L H, Đ. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ trên tuy nhiên không xác định được người có tên Nguyễn Bá B có địa chỉ như trên nên chưa tiến hành làm việc được, vì vậy tách ra để Cơ quan điều tra tạm giữ chiếc xe tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với 01 chứng minh nH dân mang tên Bùi Phú H chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Bùi Phú H, xác định đây là đồ vật của bị can, CQĐT đã trả lại cho bị can.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo F3; 01 điện thoại Sam sung A50 và 01 nhẫn kim loại màu vàng là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Phú H hiện đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

Quá trình điều tra bị can đã bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại bãi nại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 57/CT - VKS ngày 16 tháng 03 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử bị cáo: Bùi Phú H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Phú H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Bùi Phú H từ 02 năm đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Phú H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do quen biết, tin tưởng nên vào sáng ngày 14/10/2019 vợ chồng ông Trần Quốc Kh, bà Trần Thị Thanh Đ có nhờ bị cáo ra Quỹ tín dụng nH dân B T để chuyển số tiền 128.700.000đ cho Công ty cám ở Đồng Nai. Khi bị cáo đi tới Quỹ tín dụng nhân dân B T thì do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền tên nên bị cáo đã điều khiển xe máy biển số 49D1-234.17 xuống thành phố Hồ Chí Minh để gặp bạn là Ngô Gia H, đồng thời tắt điện thoại để ông Kh, bà Đ không liên lạc được. Khi xuống thành phố Hồ Chí Minh bị cáo đã sử dụng hết 26.300.000đ vào mục đích cá nhân gồm: cho bố H là ông Ngô Văn Q số tiền là 4.000.000đ, cho Ngô Gia K (em Ngân) số tiền là 800.000đ, cho mẹ của H là bà Trần Thị Kim L số tiền là 2.000.000đ, trả nợ cho bà L 2.000.000đ do bị cáo đã mượn từ trước, mua 01 chiếc điện thoại di động Oppo F3 với số tiền 1.900.000đ, mua 01 chiếc điện thoại di động Sam sung A50 cho H với số tiền 4.200.000đ, mua 01 nhẫn kim loại màu vàng cho H với số tiền 2.100.000đ, cho H số tiền 500.000đ và số tiền còn lại là tiêu xài vào mục đích ca nhân. Sau khi tìm mọi cách không liên lạc được với H, ông Trần Quốc Kh có đơn trình báo gửi cơ quan Công an. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Phú H đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã cố tình chiếm đoạt số tiền 128.700.000đ của vợ chồng ông Trần Quốc Kh, bà Trần Thị Thanh

Đ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở H tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên việc truy tố, xét xử bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một bản án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới thoả đáng.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại ông Kh, bà Đ có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Từ những phân tích nhận định trên nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại vợ chồng ông Trần Quốc Kh, bà Trần Thị Thanh Đ đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt là 128.700.000đ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 102.400.000đ là tài sản của ông Trần Quốc Kh, và vợ là bà Trần Thị Thanh Đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng ông Kh là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động Oppo F3; 01 điện thoại Sam sung A50 và 01 nhẫn kim loại màu vàng đây là tài sản bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt để mua nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô biển số 49D1 – 234.17 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở H Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Bùi Phú H đây là đồ vật của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 CMND mang tên Bùi Phú H đang lưu trong hồ sơ vụ án đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần hoàn trả cho bị cáo là đúng pháp luật.

[8] Đối với Ngô Gia H, Ngô Gia K, Ngô Văn Q và Trần Thị Kim L khi được bị cáo H cho tiền và hiện vật, do không biết số tiền và hiện vật nhận được từ bị cáo H là do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Phú H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Phú H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3; 01 điện thoại Sam sung A50 và 01 nhẫn kim loại màu vàng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng)

- Hoàn trả cho bị cáo Bùi Phú H 01 chứng minh nH dân số 250683845 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp cho Bùi Phú H ngày 07/9/2004. (Hiện đang lưu trữ trong hồ sơ vụ án)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Bùi Phú H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nH dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long